

Số: 1729/HDLN-NN-KHCN-TC-KHĐT-
NHNN

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 9 năm 2014

HƯỚNG DẪN

Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số: 10/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh); văn bản số 2307/UBND-NLN ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014, Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Liên ngành: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, LĨNH VỰC ĐƯỢC HỖ TRỢ

1. Đối tượng được hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo quy định hiện hành (sau đây gọi chung là chủ trang trại).

2. Lĩnh vực được hỗ trợ

a) Hàng năm, chủ trang trại được ưu tiên tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh do các cơ quan chức năng của tỉnh tổ chức (kinh phí do Ngân sách Nhà nước đảm bảo).

b) Chủ trang trại được ưu tiên thực hiện các đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và các mô hình trình diễn phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh của trang trại.

c) Chủ trang trại được vay vốn có hỗ trợ lãi suất 01 lần (50% lãi suất tiền vay) với mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 500 triệu đồng/trang trại để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh (Chi tiết hỗ trợ tại Phụ lục 1 Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND gửi kèm theo hướng dẫn này).

d) Chủ trang trại được hỗ trợ kinh phí tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn, tập huấn tại địa phương.

đ) Đối với lao động làm việc tại các trang trại chưa được đào tạo nghề phù hợp với việc làm: được hỗ trợ kinh phí tham gia đào tạo, tập huấn theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

e) Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm; hỗ trợ kinh phí tổ chức đánh giá và cấp chứng nhận sản xuất theo Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) sau đây gọi chung là **hỗ trợ chi phí**.

(Chi tiết hỗ trợ tại Phụ lục 2 Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND).

II. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG CHUNG

1. Các khoản hỗ trợ lãi suất tiền vay, hỗ trợ chi phí theo cơ chế, chính sách của tỉnh được chi trả trực tiếp cho các chủ trang trại.

Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay để đầu tư sản xuất thực hiện theo hình thức **đồng thời với quá trình đầu tư**.

Việc hỗ trợ chi phí thực hiện theo hình thức **sau đầu tư**.

2. Chủ trang trại phải sử dụng vốn vay, vốn hỗ trợ đầu tư đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng quy định của ngân hàng; chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền. Không hỗ trợ lãi suất tiền vay cho những chủ trang trại không sử dụng vốn đúng mục đích, không đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ *(được quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND)*.

3. Những nội dung hỗ trợ không nêu trong hướng dẫn này được thực hiện theo các chính sách hiện hành của nhà nước.

4. Không hỗ trợ cho các trang trại những nội dung đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hoá đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh .

Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì chủ trang trại được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

5. Việc cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay và hỗ trợ đầu tư được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Trong hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

6.1. *Cây hàng năm* là các loại cây có thời gian sinh trưởng từ khi gieo trồng tới khi thu hoạch không quá một (01) năm (12 tháng).

6.2. *Cây lâu năm* là các loại cây có thời gian sinh trưởng từ khi gieo trồng tới khi thu hoạch trên một (01) năm (12 tháng).

6.3. *Cây lâm nghiệp* là cây có trong Danh mục giống cây lâm nghiệp được phép sản xuất kinh doanh theo Quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6.4. *Chu kỳ chăn nuôi* ≤ 1 năm là thời gian cần thiết tối đa không quá 12 tháng để tạo ra sản phẩm hoặc kết thúc một quá trình khai thác của một đối tượng vật nuôi theo tiêu chuẩn kỹ thuật trong chăn nuôi.

6.5. *Chu kỳ chăn nuôi* > 1 năm là thời gian cần thiết trên 12 tháng để tạo ra sản phẩm hoặc kết thúc một quá trình khai thác của một đối tượng vật nuôi theo tiêu chuẩn kỹ thuật trong chăn nuôi.

6.6. *Trang trại trồng trọt; Trang trại chăn nuôi; Trang trại lâm nghiệp; Trang trại nuôi trồng thủy sản; Trang trại tổng hợp* là lĩnh vực sản xuất của trang trại được ghi trên Giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo quy định hiện hành.

6.7. *Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất* là số tiền vay tối đa được hỗ trợ lãi suất trong tổng số tiền được vay của chủ trang trại. Ngoài mức cho vay có hỗ trợ lãi suất, chủ trang trại có thể thỏa thuận với ngân hàng để vay số tiền cao hơn mức cho vay có hỗ trợ lãi suất, tính không hỗ trợ lãi suất phần vay cao hơn "*mức cho vay có hỗ trợ lãi suất*" nêu tại hướng dẫn này.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI HÀNG NĂM

Việc xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại (*sau đây gọi tắt là kinh phí thực hiện chính sách*) được thực hiện cùng với kỳ xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; trình tự lập, giao dự toán ngân sách phải được thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

1. Căn cứ lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện chính sách

- Căn cứ quy định và mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Kết quả đánh giá tình hình phát triển sản xuất hàng hóa và kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển kinh tế trang trại của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện*).

2. Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện chính sách hàng năm

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã*) cùng với việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm trước, kết quả và khả năng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn để xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách cùng với kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tổng hợp.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa được phê duyệt tại các đề án, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh, tình hình phát triển kinh tế trang trại của địa phương và xem xét kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã để xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách gắn với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khảo sát nhu cầu đào tạo, tập huấn của các trang trại trên địa bàn tỉnh, lập dự toán kinh phí tập huấn, đào tạo nghề, đào tạo lao động đang làm việc tại các trang trại và kinh phí thực hiện các mô hình trình diễn gắn với xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, giao kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan cùng với kỳ giao Dự toán Ngân sách hàng năm.

- Riêng kinh phí thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ.

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHO VAY, HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY VÀ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1. Trình tự, thủ tục xét duyệt cho vay có hỗ trợ lãi suất

1.1. Chủ trang trại có nhu cầu vay vốn vay vốn lập Bản đăng ký nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay (*theo mẫu số 01-ĐK kèm theo hướng dẫn này*) có xác nhận của Trưởng thôn và trực tiếp chuyển đến bộ phận giao dịch "một cửa" của Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo bản sao công chứng hoặc chứng thực Giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

1.2- Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận Bản đăng ký của chủ trang trại; định kỳ ngày 15 hàng tháng, tổng hợp danh sách người đăng ký vay, ghi rõ địa chỉ, số tiền đăng ký vay, thời gian vay, mục đích vay (*theo mẫu 02-THĐK kèm theo hướng dẫn này*) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hoặc Phòng Kinh tế thành phố (*sau đây gọi chung là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) để tổng hợp.

1.3. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xác định đúng đối tượng được vay, có đủ các điều kiện (*hay không đủ điều kiện*) được hỗ trợ lãi suất tiền vay theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết số: 10/2014/NQ-HĐND. Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và gửi danh sách các chủ trang trại có đủ

điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay để đầu tư sản xuất đến Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời gian 7 ngày làm việc.

1.4- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn người vay vốn lập hồ sơ vay vốn, thẩm định điều kiện cho vay vốn theo quy định hiện hành của ngân hàng, gửi thông báo danh sách các hộ gia đình được vay vốn đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để niêm yết công khai danh sách các hộ được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tại trụ sở UBND cấp xã trước khi giải ngân (*thời gian thực hiện trong 7 ngày làm việc*) và thực hiện giải ngân cho vay, kiểm tra sử dụng vốn vay theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục hỗ trợ lãi suất tiền vay

2.1. Định kỳ 6 tháng/lần, các ngân hàng tổng hợp, lập bảng kê chi tiết, ngày vay, số tiền cho vay, số tiền vay sử dụng đúng mục đích, dư nợ, số tiền lãi đã thu được hỗ trợ lãi suất của từng chủ trang trại ; kèm văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (*số liệu đến ngày 30/6 gửi vào ngày 10/7; số liệu đến 31/12 gửi vào ngày 10/01 năm kế tiếp*); chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

2.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các phòng ban liên quan, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp xã kiểm tra xác định đúng đối tượng được hỗ trợ và tính hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra việc sử dụng số vốn được vay, mức độ đầu tư, xác định số vốn vay được hỗ trợ lãi suất; Căn cứ kết quả kiểm tra việc sử dụng vốn, Phòng Tài Chính Kế hoạch lập văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay.

- Chuyển kinh phí hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quyết định phê duyệt của UBND huyện; kèm theo Quyết định gồm: danh sách các chủ trang trại, bảng kê số tiền cho vay, số tiền vay sử dụng đúng mục đích được hỗ trợ lãi suất, số lãi suất tiền vay phải trả, số tiền được hỗ trợ chi tiết đến từng đối tượng được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay để làm căn cứ chi trả tiền cho đối tượng được hỗ trợ và hồ sơ Quyết toán.

2.3. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quyết định hỗ trợ lãi suất tiền vay của Ủy ban nhân dân cấp huyện, số vay vốn hoặc hợp đồng tín dụng chi trả tiền hỗ trợ lãi suất cho người vay vốn (*Thực hiện trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay*).

3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí: Xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm; tổ chức đánh giá và cấp Giấy chứng nhận VietGAP

3.1. *Thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ*

a) Chủ trang trại lập và gửi 03 bộ hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện, gồm có: đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí (*theo mẫu số: 03-HTCP kèm theo hướng dẫn này; kèm theo đơn là dự toán các khoản chi phí*), nêu rõ quy mô, địa điểm, thực hiện và dự toán tổng kinh phí đầu tư, kinh phí xin hỗ

trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ dự toán ngân sách hỗ trợ đầu tư sản xuất hàng hóa được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự toán hỗ trợ chi phí (thời gian thực hiện trong 10 ngày làm việc).

3.2. Lập hồ sơ đề nghị thanh toán hỗ trợ

Chủ trang trại sau khi hoàn thành nội dung công việc đã được UBND Huyện phê duyệt Dự toán ở phần trên, lập và gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện); hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí (theo mẫu số: 04-TTCTP kèm theo hướng dẫn này).

- Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Bản sao công chứng hoặc chứng thực các giấy chứng nhận liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ, như: chứng nhận nhãn hiệu sản phẩm; chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hoá; chứng nhận ViệtGAP, bản xác nhận (Hoặc hợp đồng) thuê gian hàng...

3.2.3. Cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ

- Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các phòng ban liên quan... kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; xác định số tiền được hỗ trợ; trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ (trong thời gian 7 ngày làm việc)..

Chuyển kinh phí hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quyết định phê duyệt của UBND huyện, hồ sơ kèm theo Quyết định là một bộ hồ sơ Hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ (mục 3.2 phần 3) để làm căn cứ chi trả tiền cho đối tượng được hỗ trợ và hồ sơ Quyết toán.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ (Thực hiện trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ).

4. Về hỗ trợ đào tạo, tập huấn, khuyến nông và khoa học công nghệ

4.1. Hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo lao động, tập huấn: Căn cứ dự toán ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Tuyên Quang xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn, tập huấn về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh cho các chủ trang trại, các lao động làm việc tại các trang trại theo quy định hiện hành của nhà nước.

4.2. Thực hiện các mô hình trình diễn: Căn cứ dự toán ngân sách giao, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Tuyên Quang xây dựng và thực hiện các mô hình trình diễn về sản xuất nông, lâm, thủy sản theo đúng trình tự, thủ tục quy định và phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh của trang trại.

4.3. Hỗ trợ về khoa học công nghệ:

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các trang trại đề xuất, tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ; hướng dẫn cho các chủ trang trại về thủ tục, hồ sơ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (khi có nhu cầu).

5. Giám sát, kiểm tra đầu tư, bồi hoàn khi thực hiện không đúng quy định

5.1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức giám sát, kiểm tra sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất, vốn hỗ trợ đầu tư và việc cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

5.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi Chủ trang trại sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất không đúng mục đích; kinh phí thu hồi về ngân sách của huyện để hỗ trợ sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế trang trại theo chính sách của tỉnh trên địa bàn huyện.

6. Quyết toán kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, UBND cấp xã thực hiện quyết toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và nội dung sau:

6.1. Quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất và kinh phí hỗ trợ: UBND xã lập hồ sơ Quyết toán trình UBND huyện thẩm định, phê duyệt, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị quyết toán của UBND xã.
- Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay của Ủy ban nhân dân huyện, kèm theo Quyết định gồm: bộ hồ sơ như tại tiết 2.2 khoản 2 mục IV hoặc như tại tiết 3.2 khoản 3 mục IV (tùy theo nội dung chi cụ thể).
- Phiếu chi có chữ ký trực tiếp của người nhận tiền hỗ trợ.

6.2- Các đơn vị thực hiện việc Quyết toán kinh phí đào tạo, tập huấn, kinh phí nguồn sự nghiệp khoa học theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố thực hiện cơ chế, Chính sách theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh) và Hướng Dẫn này.

- Hướng dẫn các chủ trang trại thực hiện sản xuất nông nghiệp theo quy trình nông nghiệp tốt (*tiêu chuẩn VietGAP*); hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp; triển khai các quy định mới của nhà nước cho các chủ trang trại và lao động làm việc tại các trang trại.

- Tổ chức thực hiện đào tạo nghề, tập huấn và thực hiện các mô hình trình diễn theo kế hoạch ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện cơ chế, chính sách.

- Chủ trì tổng hợp và phối hợp với các ngành liên quan giải quyết những vướng mắc và đề nghị sửa đổi những nội dung không phù hợp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

Hàng năm, tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên cho triển khai thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh của trang trại.

3. Sở Tài chính:

- Theo dõi việc sử dụng kinh phí hỗ trợ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành kinh phí hỗ trợ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp thẩm kiểm tra, tổng hợp kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách cùng với kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm.

5. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang:

- Chỉ đạo các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh phổ biến, quán triệt, tập huấn cơ chế, chính sách này đến toàn thể cán bộ, viên chức để tổ chức thực hiện; hướng dẫn lập hồ sơ vay vốn theo quy định của ngành Ngân hàng đảm bảo nhanh chóng, thuận lợi, tạo điều kiện thuận lợi để người vay vốn được vay vốn và được hưởng những ưu đãi về tín dụng theo quy định.

- Chỉ đạo các ngân hàng, tổ chức tín dụng thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả, đúng quy định; đồng thời tổng hợp, lập bảng kê chính xác số tiền cho vay, số tiền vay sử dụng đúng mục đích được hỗ trợ lãi suất, dư nợ, số lãi tiền vay đã thu, số tiền lãi được hỗ trợ lãi suất chi tiết

đến từng đối tượng được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để chi hỗ trợ lãi suất tiền vay cho các đối tượng được thụ hưởng.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, UBND xã, các cơ quan liên quan để triển khai có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các chủ trang trại thực hiện cơ chế, chính sách, tổ chức cho các chủ trang trại đăng ký vay vốn sản xuất; chỉ đạo cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật hướng dẫn chủ trang trại thực hiện sản xuất đúng quy trình kỹ thuật.

- Căn cứ cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp kế hoạch toàn tỉnh.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất, vốn hỗ trợ đầu tư và việc cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi chủ trang trại sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất không đúng mục đích.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện việc quản lý, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch, kinh phí hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại cùng thời gian xây dựng dự toán ngân sách năm kế hoạch trình phê duyệt; quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí được giao theo đúng quy định.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện các nội dung của cơ chế, chính sách trên địa bàn. Tổ chức cho các chủ trang trại đăng ký nhu cầu vay vốn sản xuất;

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch thực hiện cơ chế, chính sách cùng thời gian xây dựng dự toán ngân sách năm kế hoạch. Tiếp nhận và thanh toán đầy đủ, chính xác, kịp thời số tiền hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng. Quyết toán theo đúng quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với tổ chức ngân hàng trong việc hướng dẫn, xác nhận hồ sơ vay vốn đáp ứng nhu cầu huy động vốn đảm bảo sản xuất của các chủ trang trại, kiểm tra giám sát sử dụng vốn vay.

- Bổ trí cán bộ trực tiếp thực hiện việc tiếp nhận các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hỗ trợ kinh phí và thực hiện các nội dung công việc hỗ trợ theo cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại của tỉnh.

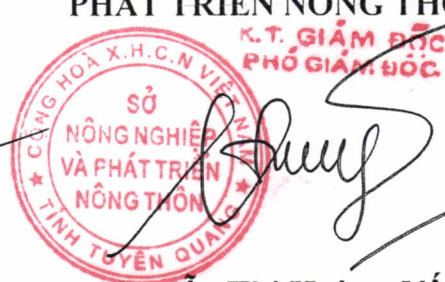
Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH TUYÊN QUANG



Phạm Quang Khánh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



Nguyễn Thị Hoàng Yến

SỞ TÀI CHÍNH



Hoàng Văn Nhân

SỞ KẾ HOẠCH VÀ
ĐẦU TƯ



Trần Văn Lương

SỞ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ



Phan Đình Chương

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: NN&PTNT, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang;
- Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Tuyên Quang;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở NN&PTNT;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Lưu: VT.

Mẫu số 01-ĐK

(Kèm theo Hướng dẫn số 1729/HDLN-NN-KHCN-TC-KHĐT-NHNN
ngày 15/9/2014 của Liên ngành)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN ĐĂNG KÝ NHU CẦU VAY VỐN CÓ HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)

Họ và tên chủ trang trại.....

Ngày, tháng, năm sinh:; Dân tộc:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Sau khi nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; tôi làm Bản đăng ký này đăng ký với Ủy ban nhân dân huyện..... được vay vốn có hỗ trợ lãi suất, cụ thể như sau:

- Loại hình trang trại¹.....
- Quy mô sản xuất²:.....
- Địa điểm sản xuất³:.....
- Thời gian thực hiện:
- Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....
- Thời gian vay vốn:.....

Xác nhận của Trưởng thôn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Nêu cụ thể: Trang trại trồng trọt, trang trại chăn nuôi, trang trại lâm nghiệp, trang trại nuôi trồng thủy sản, trang trại tổng hợp.

² Ghi số lượng về diện tích, số con, số lồng

³ Nêu địa điểm thuộc thôn (bản, tổ nhân dân), xã (phường, thị trấn).

Mẫu số 02-THĐK

(Kèm theo Hướng dẫn số 1729/HDLN-NN-KHCN-TC-KHĐT-NHNN
ngày 15/9/2014 của Liên ngành)

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-VP

V/v tổng hợp nhu cầu vay vốn phát triển
sản xuất có hỗ trợ lãi suất của các chủ
trang trại tháng.../201...

....., ngày ... tháng ... năm 201..

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

Căn cứ bản đăng ký vay vốn để phát triển sản xuất của các chủ trang trại.
UBND xã..... tổng hợp nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất có hỗ trợ lãi suất của
các chủ trang trại trên địa bàn xã tháng/201... như sau:

Tổng số chủ trang trại đăng ký vay vốn:..... hộ.

Tổng quy mô sản xuất:.... ha; ... con;.... lồng....

Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.... triệu đồng.

(chi tiết có biểu kèm theo)

UBND xã.... kính trình UBND huyện..... xem xét và đề nghị Ngân hàng.....
cho các chủ trang trại được vay vốn./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên (kính trình);
- Phòng NN và PTNT;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- Lưu: VT.

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU VAY VỐN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÓ HỖ TRỢ LÃI SUẤT
 (Kèm theo văn bản số /UBND-VP ngày tháng năm của UBND xã... .)

ST T	Họ và tên chủ trang trại	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Loại hình trang trại	Quy mô sản xuất	Địa điểm sản xuất	Thời gian thực hiện	Tổng vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất	Thời gian vay vốn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

(7) Nêu cụ thể: Trang trại trồng trọt, trang trại chăn nuôi, trang trại lâm nghiệp, trang trại nuôi trồng thủy sản, trang trại tổng hợp

Ghi chú: (8) Quy mô: Ghi số lượng về diện tích, số lồng và kích thước lồng nuôi; số con...
 (9) Địa điểm: Nêu địa điểm thuộc thôn (bản, tổ nhân dân), xã (phường, thị trấn).

Mẫu số 03-HTCP

(Kèm theo Hướng dẫn số 1729/HDLN-NN-KHCN-TC-KHĐT-NHNN
ngày 15/9/2014 của Liên ngành)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Chi phí: Xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm; tổ chức đánh giá và cấp Giấy chứng nhận VietGAP.

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện
- Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế thành phố).

Họ và tên chủ trang trại;
Ngày, tháng, năm sinh:; Dân tộc:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Nơi ở hiện tại
Số CMND:ngày cấp .../.../....., nơi cấp.....
Loại hình trang trại⁴
Địa chỉ trang trại⁵

Sau khi nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh; tôi làm đơn này đề nghị Ủy ban nhân dân xã..... tổng hợp gửi UBND huyện.....
xem xét hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm; tổ chức đánh giá và cấp Giấy chứng nhận VietGAP, cụ thể như sau:

- Tên sản phẩm tham gia hội chợ:
- Mục đích đề nghị được hỗ trợ để tham gia hội chợ, giới thiệu và quảng bá sản phẩm (trong tỉnh, ngoài tỉnh) lần thứ
- Địa điểm tham gia
- Tên cá nhân (đơn vị) quản lý, sử dụng nhãn hiệu hàng hóa:
- Thời gian thực hiện:
- Tổng số kinh phí thực hiện:triệu đồng.
- Tổng số kinh phí đề nghị được hỗ trợ:.....triệu đồng.
- Giấy tờ kèm theo⁶:

⁴ Trang trại trồng trọt, trang trại chăn nuôi, trang trại lâm nghiệp, trang trại nuôi trồng thủy sản, trang trại tổng hợp.

⁵ Nếu địa điểm thuộc thôn (bản, tổ nhân dân), xã (phường, thị trấn).

Được phê duyệt dự toán hỗ trợ kinh phí, trang trại chúng tôi xin cam kết:

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện.
- Sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đạt hiệu quả; chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền./.

...Ngày.....tháng.....năm 20....

Xác nhận của UBND xã

(Ký, đóng dấu)

...Ngày.....tháng.....năm 20....

Chủ trang trại

(Ký và ghi rõ họ tên)

⁶ Giấy chứng nhận kinh tế trang trại, dự toán kinh phí thực hiện, ...

Mẫu số 04-TTCP

(Kèm theo Hướng dẫn số 1729/HDLN-NN-KHCN-TC-KHĐT-NHNN
ngày 15/9/2014 của Liên ngành)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kinh phí hỗ trợ: Xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm; tổ chức đánh giá và cấp Giấy chứng nhận VietGAP.

Kính gửi - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.....
- Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn
huyện (phòng Kinh tế thành phố).....

Họ và tên chủ trang trại

Ngày, tháng, năm sinh:; Dân tộc:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi ở hiện tại

Số CMND:ngày cấp .../.../....., nơi cấp.....

Loại hình trang trại⁷

Địa chỉ trang trại⁸

Căn cứ Quyết định số...ngày.../.../201...của UBND huyện, thành phố về
phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng Xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm; tổ chức đánh giá và cấp Giấy chứng nhận VietGAP.

Đến nay trang trại tôi đã thực hiện hoàn thành các nội dung được hỗ trợ đầu tư; trang trại tôi làm đơn này đề nghị UBND huyện, thành phố..... thanh toán kinh phí được hỗ trợ như sau:

- Địa điểm thực hiện các nội dung đầu tư (địa điểm tham gia các hội chợ, hoặc địa điểm nuôi trồng được chứng nhận VietGAP):.....

- Thời gian thực hiện các nội dung đầu tư (nêu rõ từ thời gian bắt đầu thực hiện đến thời gian hoàn thành nội dung được hỗ trợ).

- Khối lượng các hạng mục được hoàn thành (diện tích nuôi trồng được cấp chứng nhận VietGAP; danh mục hàng hóa được xây dựng nhãn hiệu, chứng nhận thương hiệu, trưng bày các gian hàng hội chợ.....).

- Tổng kinh phí đã thực hiện:.....

- Tổng số kinh phí đề nghị thanh toán:.....

⁷ Trang trại trồng trọt, trang trại chăn nuôi, trang trại lâm nghiệp, trang trại nuôi trồng thủy sản, trang trại tổng hợp.

⁸ Nêu địa điểm thuộc thôn (bản, tổ nhân dân), xã (phường, thị trấn).

- Giấy tờ liên quan kèm theo⁹:

Đề nghị UBND huyện, thành phố xét duyệt./.

....Ngày.....tháng.....năm 20....

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

⁹ Bao gồm: Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Bản sao công chứng các giấy chứng nhận liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ, như: chứng nhận đăng ký nhãn hiệu sản phẩm; chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hoá; chứng nhận ViệtGAP, bản xác nhận (Hoặc hợp đồng) thuê gian hàng.; Hóa đơn chứng từ hợp pháp, hợp lệ về chi phí thực hiện nội dung đề nghị hỗ trợ.